

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỆT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **105/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-6-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỆT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuệt, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuệt tham gia phiên tòa: Bà Kiều Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuệt, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A T, tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số E T, tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M trình bày: Tôi và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/12/2014.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì tôi và ông T chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên sau đó thì vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tôi không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chúng tôi đã sống ly thân nhau hơn 02 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 03/3/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/10/2017. Hiện nay cháu P đang ở cùng với ông T còn cháu K đang ở cùng với tôi. Vì vậy tôi có nguyện

vọng giao cháu P cho ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tôi đang làm công việc tự do, thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Tôi và bà Phạm Thị Thanh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/12/2014.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn thì tôi và bà M chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên sau đó thì vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tôi không hiểu nhau, không quan tâm, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chúng tôi đã sống ly thân nhau hơn 02 năm nay. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi không đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Tôi và bà M có 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 03/3/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/10/2017. Hiện nay cháu P đang ở với tôi còn cháu K đang ở với bà M. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho tôi và bà M ly hôn thì tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cháu K cho bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tôi đang làm công việc là nhân viên giao hàng thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Phạm Thị Thanh M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/10/2017 cho bà Phạm Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 03/3/2016 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà M và ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T và giải quyết việc nuôi con, đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; bị đơn ông T cư trú tại số E T, tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/12/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà M và ông T trình bày, trong thời gian chung sống bà M và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà M và ông T không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn với bà M vì ông T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà M và ông T chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Trong thời gian bà M và ông T chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Bà M và ông T đã sống ly thân nhau hai năm nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù ông T xác định không muốn ly hôn với bà M, tuy nhiên trong thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay đã sống ly thân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà M và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 03/3/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/10/2017.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu P đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc; cháu K đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc. Ông T và bà M đồng ý giao cháu P cho ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu K cho bà M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu P và cháu K. Do đó để đảm bảo cho lợi ích phát triển ổn định của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc; giao cháu K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, là có căn cứ.

Bà M và ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/10/2017 cho bà Phạm Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 03/3/2016 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Phạm Thị Thanh M và ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Thanh M và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh M và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị Thanh M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0009743 ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- UBND phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My